

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2024/HS-PT

Ngày 28 tháng 02 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Thụy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Trường và ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Những người tiến hành tố tụng khác tại phiên tòa:

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 115/2023/TLPT- HS ngày 22 tháng 12 năm 2023 đối với Nguyễn Minh T do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Bị cáo kháng cáo: **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1949 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn V và bà Bùi Thị M (đều đã chết); có vợ là Trần Thị H và 04 con, lớn nhất sinh năm 1980, con nhỏ nhất sinh ngày 25/7/2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo là Ông Nguyễn Đ – Luật sư, Công ty Luật TNHH M; địa chỉ: P, đường L, phường M, quận N, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- ***Bị hại:*** Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1955; trú tại: Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại:* Bà Phạm Thị N – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T và gia đình bà Nguyễn Thị B là người cùng thôn, T biết bà B đang sống cùng với con gái là chị Nguyễn Thị P – là người bị khuyết tật nặng từ nhỏ, chân tay khèo, co quắp được UBND xã C cấp giấy xác nhận khuyết tật và bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng.

Khoảng tháng 10 - 11 năm 2022, T đến nhà bà B để mua chè về uống nhưng chỉ có một mình chị P ở nhà. T hỏi mua chè thì được chị P dẫn vào phòng ngủ ở tầng 1, chỉ vào bao chè để ở cạnh giường, sau đó chị P ngồi xuống giường. Thấy không có bà B ở nhà, bản thân chị P bị khuyết tật không có khả năng chống cự, không giao tiếp được nên T nảy sinh ý định quan hệ tình dục với chị P rồi đi đến chỗ chị P ngồi, T dùng tay bế đặt chị P nằm ngửa ra giường sau đó dùng hai tay kéo một ống quần dài và quần lót của chị P tụt khỏi chân, một ống vẫn còn trong chân, vén áo của chị P lên qua ngực, dùng tay sờ ngực, vú của chị P, T tự cởi một ống quần dài của mình khỏi chân, một ống vẫn trong chân, tiếp đó dùng tay dạm hai chân chị P ra rồi dùng tay phải sờ vào âm hộ, sau đó dùng tay phải cầm dương vật đã cương cứng đưa vào âm hộ, dùng lực tay và người ấn dương vật vào trong âm đạo của chị P và rút ra, dứt vào khoảng 02 phút thì xuất tinh vào trong âm đạo của chị P. Sau khi quan hệ tình dục với chị P xong, T mặc quần lại rồi đi về. Trong quá trình T quan hệ tình dục, chị P không có bất kỳ phản ứng hay lời nói gì.

Đến ngày 25/4/2023, chị P kêu đau bụng, bà B đưa chị P đi thăm khám, siêu âm thì phát hiện chị P đang có thai được khoảng 25 tuần tuổi, nghi T là người có hành vi giao cấu với chị P làm chị P có thai nên bà B đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L. Ngày 25/7/2023, chị Nguyễn Thị P sinh 01 con trai tại bệnh viện sản nhi tỉnh Hưng Yên và đặt tên là Nguyễn Văn L.

Tại bản kết luận giám định số 29/KLSCT-TTPY ngày 24/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam kết luận: “*Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng, xác định Nguyễn Thị P tại thời điểm giám định có thai, thai ≈ 30 tuần; thời điểm thực hiện quan hệ tình dục vào khoảng tháng 10, 11 năm*

2022; trên cơ thể và bộ phận sinh dục ngoài của Nguyễn Thị P không thấy sây sát, rách da, bầm tụ máu do ngoại lực”.

Tại bản kết luận giám định số 04/KLKNTD-PYQG ngày 15/6/2023 của Viện pháp y Quốc gia, kết luận: “*Qua quá trình khám giám định, kết quả cận lâm sàng xác định Nguyễn Minh T tại thời điểm giám định có đủ khả năng sinh lý để hoạt động tình dục*”.

Tại bản kết luận giám định số 312/KLGĐ ngày 20/9/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương, kết luận: “*Trước, trong thời gian từ tháng 10, tháng 11 năm 2022 và tại thời điểm giám định bị hại Nguyễn Thị P bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72; tại các thời điểm trên Nguyễn Thị P mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi*”.

Tại bản Kết luận giám định AND số 449/23/KLGĐADN-PYQG ngày 07/8/2023 của Viện pháp y Quốc gia kết luận: “*Nguyễn Minh T(mẫu M1) có quan hệ huyết thống bố - con với trẻ sơ sinh con của Nguyễn Thị P (mẫu A1), độ tin cậy 99,9999%*”.

Tại phiếu xét nghiệm huyết học ngày 12/10/2023 của Trung tâm Y tế huyện L, kết quả xác định: Nguyễn Minh T âm tính với HIV.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, Nguyễn Minh T đã tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng. Người đại diện hợp pháp của bị hại không có đề nghị gì khác về trách nhiệm dân sự và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với T.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định: Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 141; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Hiếp dâm”

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo.

Trong thời hạn luật định ngày 24/11/2023 bị cáo Nguyễn Minh T kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 21/11/2023 người đại diện hợp pháp của bị hại là bà Nguyễn Thị B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngày 02/02/2024 bà B có đơn xin rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo T và đề nghị Tòa án đình chỉ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam có quan điểm: Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên chấp nhận đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại; không chấp nhận kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo T. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện L; Đề nghị HĐXX áp dụng điểm g khoản 2 Điều 141; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Hiếp dâm”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX xem xét đơn rút yêu cầu khởi tố của đại diện hợp pháp cho bị hại, căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự và Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Minh T; nếu không đình chỉ được vụ án thì đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị hại bà Nguyễn Thị B và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm đã gây ra và sớm trở về chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn L.

Lời nói sau cùng bị cáo Nguyễn Minh T đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T và đơn kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại trong thời hạn luật định, đơn thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật tố tụng hình sự và hợp lệ, được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố. Xét theo các bản Kết luận giám định số 29/KLSCT-TTPY ngày 24/5/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Nam; Kết luận giám định số 04/KLKNTD-PYQG ngày 15/6/2023 của Viện pháp y Quốc gia; Kết luận giám định số 312/KLGĐ ngày 20/9/2023 của Viện pháp y tâm thần Trung ương; Kết luận giám định AND số 449/23/KLGĐADN-PYQG ngày 07/8/2023 của Viện pháp y Quốc gia. Đối chiếu lời khai nhận của

bị cáo Nguyễn Minh T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa là phù hợp với các kết luận giám định, đơn tố cáo, đơn yêu cầu khởi tố, biên bản khám nghiệm hiện trường (kèm bản ảnh hiện trường), cùng các biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để kết luận:

Lợi dụng tình trạng mất khả năng nhận thức, điều khiển hành vi và khuyết tật không thể tự vận động được của chị Nguyễn Thị P, bị cáo đã thực hiện hành vi giao cấu trái với ý muốn với chị P vào khoảng tháng 10 hoặc tháng 11 năm 2022 tại phòng ngủ tầng 1 của gia đình bà Nguyễn Thị B ở Thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam. Hậu quả làm chị P có thai và sinh con (cháu Nguyễn Văn L) vào ngày 25/7/2023.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo Nguyễn Minh T là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, trái luân thường đạo lý, nhưng để thỏa mãn dục vọng thấp hèn của bản thân đã cố ý xâm phạm trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm của người khác được pháp luật bảo vệ, đặc biệt là thực hiện giao cấu với người bị hại bị bệnh tâm thần, mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, làm cho bị hại chị P có thai, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội Hiếp dâm theo điểm g khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội.

Ngày 02/02/2024 người đại diện hợp pháp của bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo, Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến căn cứ khoản 2 Điều 155, Điều 359 Bộ luật Tố tụng hình sự và Công văn số 254/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị HĐXX xem xét huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án đối với bị cáo Nguyễn Minh T. Tuy nhiên xét thấy bị cáo Nguyễn Minh T bị khởi tố, truy tố với tình tiết “Làm nạn nhân có thai” theo điểm g khoản 2 Điều 141 Bộ luật Hình sự, không phải khởi tố theo yêu cầu của bị hại theo khoản 1 Điều 141 Bộ luật Hình sự nên việc người đại diện hợp pháp của bị hại rút yêu cầu khởi tố đối với bị cáo T chỉ được xem là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có căn cứ chấp nhận đề nghị của người đại diện hợp pháp của bị hại và của người bào chữa cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T và kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại nhận thấy:

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, khi thực hiện hành vi phạm tội là người trên 70 tuổi, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và có đơn rút yêu cầu khởi tố, hiện bị cáo đã đón cháu Nguyễn Văn L về chăm sóc, nuôi dưỡng. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm

hình sự bị cáo được hưởng, quy định tại điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định xử phạt bị cáo 08 năm tù là có phần nghiêm khắc. Xét thấy bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã nhận thức ra lỗi làm của mình nên HĐXX phúc thẩm xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo T để bị cáo có cơ hội cải tạo tốt sớm trở về tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, cũng thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật Việt Nam. Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp của bị hại có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng với khung hình phạt theo khoản 2 Điều 141 Bộ luật hình sự từ 07 năm đến 15 năm, đối chiếu với các quy định của pháp luật, kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo T không có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Minh T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Minh T xin giảm nhẹ hình phạt và chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 73/2023/HS-ST ngày 17/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hà Nam.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 141; điểm b, o, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Hiếp dâm”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T 07 (bảy) 03 (ba) tháng. tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Minh T không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Công an huyện L;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện L;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- Lưu HS, Tòa Hình sự, Bộ phận HCTP.

(Đã ký)

Đặng Văn Thuy